

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 23-6-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng thế chấp tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình;
2. Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Cao Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2022/TLST-DS ngày 02/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 04/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QDST-DS ngày 02/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266 – 268 đường N, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc V – Chuyên viên quản lý nợ, phòng Kiểm soát rủi ro Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tại Ninh Thuận. Là người đại diện theo ủy quyền. Theo Quyết định ủy quyền số: 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 và **Giấy ủy quyền số: 39/2022/GUQ-CNNT ngày 18/10/2022. (ông Vũ có mặt)**

Bị đơn: Ông Phạm Xuân H, sinh năm: 1978 và bà Lê Thị Tường M, sinh năm: 1978. (ông H và bà M vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 45/31A đường T, khu phố 4, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc V trình bày:

Vợ chồng ông bà Phạm Xuân H – Lê Thị Tường M có quan hệ tín dụng với Ngân hàng S - Chi Nhánh Ninh Thuận (gọi tắt là Ngân hàng), chi tiết như sau:

Số hợp đồng tín dụng: LD2001600361 ngày 16/01/2020; số tiền vay: 100.000.000 đồng; mục đích vay: Mua sắm thiết bị gia đình; giấy nhận nợ số LD2001600361 ngày 17/01/2020; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất: 12%/năm áp dụng trong 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, lãi suất các kỳ tiếp theo được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng (tính lãi cuối kỳ) cộng biên độ 4.1%/năm và được ngân hàng điều chỉnh 03 tháng/lần. (Hợp đồng vay số 1).

Số hợp đồng tín dụng: 202126136262 ngày 27/05/2021; Số tiền vay: 100.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn trồng nho; giấy nhận nợ số LD2115200216 ngày 01/06/2021; thời hạn vay : 36 tháng; lãi suất: 11%/năm áp dụng trong 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, lãi suất các kỳ tiếp theo được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng (tính lãi cuối kỳ) cộng biên độ 3.6%/năm và được ngân hàng điều chỉnh 03 tháng/lần. (Hợp đồng vay số 2).

Ngày 16/07/2019, bà Lê Thị Tường M có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân Hàng, số tiền vay : 10.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng; lãi suất: 2.6%/tháng (Hợp đồng vay số 3).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng ông H, bà M có ký kết với Ngân hàng 02 hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp tài sản số: 78/TC20 ngày 16/01/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất thửa đất số 114, tờ bản đồ số 9 phường M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm có diện tích 380,9 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 214585 do UBND thị xã Phan Rang Tháp Chàm cấp ngày 29/04/2004.

Hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/TC21 ngày 31/05/2021, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 60 phường M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm có diện tích 623,6 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS 189980 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh thuận cấp ngày 24/06/2019.

Do ông H, bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà M:

1. Trả cho Ngân hàng số tiền nợ đã vay tính đến ngày 16/10/2022 theo hợp đồng vay số 1 là 23.525.404 đồng (*gồm nợ gốc: 22.244.000 đồng; lãi trong hạn: 1.079.291 đồng; lãi quá hạn: 202.112 đồng*); theo hợp đồng vay số 2 là: 69.731.629 đồng (*gồm nợ gốc: 66.676.000 đồng; lãi trong hạn: 2.881.865 đồng; lãi quá hạn: 173.764 đồng*); hợp đồng vay số 3 là: 10.461.376 đồng. Tổng cộng: 103.718.409 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/10/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại 03 hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

2. Tiếp tục duy trì 02 hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với Ngân hàng để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông H, bà M không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay.

Sau ngày Tòa án triệu tập hòa giải thì vợ chồng ông H, bà M đã tắt toán hợp đồng vay số 1 và hợp đồng vay số 3.

Tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà M. Cụ thể: Rút lại yêu cầu vợ chồng ông H, bà M trả số tiền nợ theo hợp đồng vay số 1 là: 23.525.404 đồng và hợp đồng vay số 3 là: 10.461.376 đồng; rút lại yêu cầu vợ chồng ông H, bà M tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số: 78/TC20 ngày 16/01/2020 đã ký với Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1. Vợ chồng ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ đã vay tính đến ngày 23/6/2023 là: 80.092.595 đồng, gồm: Nợ gốc: 66.676.000 đồng; lãi trong hạn: 6.711.624 đồng; lãi quá hạn: 6.704.971 đồng.

Kể từ ngày 24/6/2023, vợ chồng ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 202126136262 ngày 27/05/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M phải tiếp tục duy trì đồng thế chấp tài sản số: 433/TC21 ngày 31/05/2021 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/02/2023; Biên bản hòa giải ngày 25/4/2023, bị đơn ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M trình bày:

Vợ chồng ông H, bà M thống nhất Ngân hàng về các khoản vay cũng như quá trình trả nợ vay.

Hiện vợ chồng ông H, bà M đã tắt toán với Ngân hàng khoản vay theo hợp đồng vay số 1 và hợp đồng vay số 3. Đối với khoản theo hợp đồng vay số 2, vợ

chồng ông H, bà M xác nhận có vay, còn nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 16/3/2023 là: 76.913.698 đồng, trong đó: Số tiền gốc: 66.676.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 6.455.881 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 3.781.818 đồng.

Vợ chồng ông H, bà M đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 17/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

Vợ chồng ông H, bà M đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 433/TC21 ngày 31/05/2021 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì vợ chồng ông H, bà M đồng ý để Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M có đến Tòa án trình ý kiến, bà M có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bị đơn đã được tổng đạt hợp

lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M trả nợ vay theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết và tiếp tục duy trì 02 hợp đồng thế chấp tài sản đã ký với Ngân hàng. Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ông Phạm Ngọc V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ vay theo hợp đồng vay số 1 là: 23.525.404 đồng và hợp đồng vay số 3 là: 10.461.376 đồng; rút lại yêu cầu vợ chồng ông H, bà M tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số: 78/TC20 ngày 16/01/2020 đã ký với Ngân hàng.

Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả nợ vay và duy trì hợp đồng thế chấp như đã nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn pH trả số tiền đã vay tính đến ngày: 23/6/2023 là 80.092.595 đồng, gồm: Nợ gốc: 66.676.000 đồng; lãi trong hạn: 6.711.624 đồng; lãi quá hạn: 6.704.971 đồng:*

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Giữa Ngân hàng TMCP S với vợ chồng ông Phạm Xuân H, bà Lê Thị Tường M đã ký kết hợp đồng tín dụng số: 202126136262 ngày 27/05/2021. Tổng dư nợ tính đến hết ngày 23/6/2023 là 80.092.596 đồng, gồm: Nợ gốc: 66.676.000 đồng; lãi trong hạn: 6.711.624 đồng; lãi quá hạn: 6.704.971 đồng.

Đối chiếu với thời điểm Ngân hàng nộp đơn khởi kiện (ngày 20/10/2022) thì ông H, bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Căn cứ vào Điều 5 của Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện và áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo đảm được việc thu hồi nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, so sánh với Giấy nhận nợ ngày 01/6/2021 cũng như ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của ông H, bà M ngày 24/02/2023 của và ý kiến trình bày của bà M tại Biên bản hòa giải 25/4/2023. Ông H và bà M đều thừa nhận còn nợ Ngân hàng và đồng ý trả nợ. Đây là những tình tiết sự kiện không cần chứng M theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi

kiện của Ngân hàng TMCP S về việc buộc ông H và bà M phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận; Vì vậy, ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của nợ gốc với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 24/6/2023 cho đến khi thi hành án xong.

[2.2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/TC21 ngày 31/05/2021 để đảm bảo thi hành án:*

Xét thấy, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/TC21 ngày 31/05/2021 giữa Ngân hàng và ông H, bà M là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 60 phường M, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thì hiện trạng đất đang bỏ trống, không canh tác, hiện trạng không có gì thay đổi so với thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp.

Hợp đồng thế chấp tài sản giữa hai bên có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, hợp đồng có chữ ký của các bên, đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Ông H, bà M cũng có ý kiến đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 317, 319 và 320 Bộ luật dân sự, việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.*

[4] *Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.*

[5] *Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, các điều 147, 157, 158, 227, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 280, 317, 319, 320, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

1.1 Buộc bị đơn ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng S số tiền tính đến ngày 23/6/2023 là 80.092.595 đồng (*Tám mươi triệu không trăm chín mươi hai ngàn năm trăm chín mươi lăm đồng*), gồm: Nợ gốc: 66.676.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*); lãi trong hạn: 6.711.624 đồng (*Sáu triệu bảy trăm mười một ngàn sáu trăm hai mươi bốn đồng*); lãi quá hạn: 6.704.971 đồng (*Sáu triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn chín trăm bảy mươi một đồng*).

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3 Buộc ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số: 433/TC21 ngày 31/05/2021 để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc:

2.1 Yêu cầu bị đơn ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M trả số tiền 23.525.404 đồng (*Hai mươi ba triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn bốn trăm lẻ bốn đồng*) theo hợp đồng tín dụng: LD2001600361 ngày 16/01/2020 và số tiền 10.461.376 đồng (*Mười triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn ba trăm bảy mươi sáu đồng*) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/7/2019;

2.2 Yêu cầu vợ chồng ông H, bà M tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản số: 78/TC20 ngày 16/01/2020.

3. Về án phí: Ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M pH chịu: 4.005.000 đồng (*Bốn triệu không trăm lẻ năm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.593.000 đồng (*Hai triệu năm trăm chín mươi ba ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004641 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Về Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phạm Xuân H và bà Lê Thị Tường M phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Phát